

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/HS-ST
Ngày: 20/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba

+ Ông Lê Văn Nhậm

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 94/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2020/HSST-QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1998 tại Thái B. Nơi đăng ký thường trú: Khu Kim S, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị N; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 65/CQ.CSĐT ngày 24/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 67/HSST-LCĐKNCT ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (Bị cáo có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Đức V- Văn phòng luật sư Đức V- Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng N. (Có mặt)

- Bị hại: Chị Trương Ngọc T, sinh năm: 1996.

Hộ khẩu thường trú: 67/22/7 Phạm Ngũ L, tổ 16, khu 2, phường Hiệp T, Thành phố Thủ Dầu M, tỉnh Bình D (Vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

1) Ông Đỗ Đình N, sinh năm: 1984.

2) Ông Lê Vũ T, sinh năm: 1985.

Cùng nơi cư trú: 19, Võ O, phường 2, Quận Bình T, Thành phố Hồ Chí M. (ông T có mặt, ông N vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1) Anh Nguyễn Quang H, sinh năm: 1995. (Có mặt)

2) Anh Nguyễn Trần Thiên Â, sinh năm: 2000. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Ngọc T và Nguyễn Đức T quen biết nhau từ tháng 02/2018 và yêu đương nhau. Từ tháng 3/2018 T và T thuê phòng sống chung như vợ chồng tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí M. Quá trình chung sống, có một số lần T đã dùng điện thoại di động Iphone 8Plus quay và lưu lại cảnh T và T quan hệ tình dục với nhau. Đến tháng 9/2019, T và T không chung sống với nhau nữa. Sau đó, T quen biết và sống chung như vợ chồng với Nguyễn Quang H. Do, tức giận việc T và H có mối quan hệ yêu nhau nên ngày 01/10/2019, tại tổ 25, khu Kim S, thị trấn Long T, T sử dụng điện thoại di động Iphone 8Plus của T gửi những hình ảnh T hờ ngực và hình ảnh T và T quan hệ tình dục cho Nguyễn Trần Thiên Â (bạn của T) xem. Đến ngày 02/10/2019, T tiếp tục gửi những hình ảnh trên cho Nguyễn Quang H xem. Mục đích của T gửi hình ảnh trên là để làm nhục T trước mọi người.

Đến khoảng tháng 11/2019 thì những hình ảnh và video ghi lại cảnh quan hệ tình dục giữa T và T bị đăng tải, phát tán lên một số trang Web và mạng xã hội Zalo, Facebook...

Ngày 13/12/2019, T đã làm đơn tố cáo hành vi của T tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long T.

Tại Cáo trạng số: 101/CT-VKSLT ngày 15 tháng 5 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Làm nhục người khác” theo điểm a, e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị.

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án tù tháng 06 (sáu) tháng đến (08) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tuyên buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả, bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo T nhõng nhất nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Làm nhục người khác” theo điểm a, e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày:

Về trách nhiệm hình sự: Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành chỉ ghi nhận tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo mà không ghi nhận 02 tình tiết tăng nặng đối với bị cáo T là phạm tội đối với phụ nữ có thai và phạm tội vì động cơ đê hèn quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo gửi các hình ảnh nhạy cảm cho anh H (lúc này là chồng sắp cưới của T) nhằm mục đích phá hoại tình cảm giữa H và T. Mục đích phạm tội của bị cáo là vì động cơ đê hèn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T chỉ bị khởi tố, truy tố và xét xử về tội “Làm nhục người khác ” theo điểm a, e khoản 2 điều 155 là chưa thỏa đáng. Hành vi phạm tội của bị cáo Thắng có đủ cơ sở để khởi tố, truy tố và xét xử về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” theo Điều 326 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với bị cáo T về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” theo Điều 326 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tiền thu nhập bị mất và tiền tổn thất tinh thần. Cơ sở cho việc xác định thiệt hại là Sao kê tài khoản lương ngân hàng từ ngày 01/08/2019 đến hết ngày 31/12/2012 của bà Trương Ngọc T. Tờ trình xin tạm ngừng công việc ngày 04/12/2019, biên bản bàn giao ngày 11/12/2019.

Bị hại chị T ngừng làm việc tại Công ty TNHH Fit24 địa chỉ: 621 Hoàng Sa, quận 3, Tp. HCM với vị trí là Huấn luyện viên GYM và Spa tại Trung tâm 3/2 với mức gồm lương cơ bản và lương hoa hồng từ việc dạy học viên và doanh thu từng tháng của Trung tâm, 02 tháng lương gần nhất trước khi ngừng việc. Mức lương tháng 09/2019 gồm: Lương cơ bản 3.700.000 đồng, lương hoa hồng 10.274.000 đồng. Tổng cộng: 13.980.00 (Mười ba triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng. Mức lương tháng 10/2019 gồm: Lương cơ bản 2.930.000 đồng, lương hoa hồng 8.394.000 đồng. Tổng cộng: 11.324.000 (Mười một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn) đồng. Dựa trên mức lương tháng 09, 10/2019 tính

mức lương bình quân của chị T 12.650.000 đồng/tháng. Chị T yêu cầu cụ thể gồm:

- Thu nhập bị mất (thời gian ngừng làm việc) từ ngày 11/12/2019 cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm 31/07/2020 là 7,5 tháng: 12.650.000 đồng/tháng x 7,5 tháng = 94.875.000 (Chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Tổn thất tinh thần, tính 10 tháng lương tối thiểu: 1.490.000 đồng/tháng x 10 tháng = 14.900.000 (Mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường cho bị hại là 109.775.000 (Một trăm lẻ chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận giữa bị cáo và Trương Ngọc T có chung sống như vợ chồng với nhau từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2019 thì không chung sống với nhau nữa. Ngày 01/10/2019 và ngày 02/10/2019 T đã gửi những hình ảnh T hở ngực và hình ảnh T và T quan hệ tình dục cho Nguyễn Trần Thiên Ân và Nguyễn Quang H xem mục đích của bị cáo là để làm nhục T trước mọi người. Lời khai nhận của bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai của bị hại cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T đủ yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác” theo điểm a, e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo ít nghiêm trọng nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác bằng hình thức sử dụng mạng viễn thông để phạm tội và phạm tội 02 lần, đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác và còn làm ảnh hưởng đến mối quan hệ gia đình, xã hội, quá trình làm việc của bản thân bị hại và dư luận xã hội. Vì vậy, mức án bị cáo nhận lãnh phải nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã nộp một khoảng tiền để bồi thường thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt.

Đối với phần trình bày và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với phần trình bày của bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa. Về khoảng tiền bồi thường theo yêu cầu của bị hại là quá cao, bị cáo không đồng ý bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư đã nêu nguyên nhân, điều kiện dẫn đến bị cáo phạm tội, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo dưới mức án thấp nhất theo Điều 54 Bộ luật hình sự. Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo T đã được Hội đồng xét xử xem xét trong lúc nghị án.

Đối với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Về trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng phạm tội đối với phụ nữ có thai; phạm tội vì động cơ đê hèn theo quy định tại điểm đ, i khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự và hành vi phạm tội của bị cáo T còn phải khởi tố, truy tố, xét xử về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” theo Điều 326 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với bị cáo T về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” theo Điều 326 Bộ luật hình sự.

Ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nêu trên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên Tòa, bị hại chị T vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày ý kiến yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho bị hại các khoản như sau:

- Thu nhập bị mất từ ngày 11/12/2019 cho đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm 31/07/2020 là 7,5 tháng, tính theo mức lương bình quân là 12.650.000 đồng/tháng x 7,5 tháng = 94.875.000 (Chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Về tổn thất tinh thần, tính 10 tháng lương tối thiểu: 1.490.000 đồng/tháng x 10 tháng = 14.900.000 (Mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

Tổng cộng: 109.775.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Xét, yêu cầu về bồi thường thiệt hại của bị hại như nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, người làm chứng khai trung thực, phù hợp các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi đăng tải, phát tán những hình ảnh và video quay cảnh T và T quan hệ tình dục lên một số trang Web và mạng xã hội Zalo, Facebook... sau khi điện thoại di động Iphone 8Plus của bị cáo bị giật mất tháng 11/2019. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[4] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo, phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng Hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[5] Biện pháp tư pháp:

Về Trách nhiệm dân sự:

Giai đoạn điều tra, bị hại chị T yêu cầu Nguyễn Đức T phải bồi thường số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Tại phiên Tòa, bị hại chị T vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày ý kiến yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho bị hại chị T số tiền 109.775.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, bị cáo không đồng ý bồi thường vì yêu cầu bồi thường của bị hại là quá cao, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét, yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại chị Trương Ngọc T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 592 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường thiệt hại cho chị Trương Ngọc T gồm các khoản như sau:

- Thu nhập bị mất từ ngày 11/12/2019 đến ngày 31/07/2020 là 7,5 tháng, tính theo mức lương bình quân 12.650.000 đồng/tháng:

12.650.000 đồng/ tháng x 7,5 tháng = 94.875.000 (Chín mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, tính 10 lần mức lương cơ sở:

1.490.000 đồng/tháng x 10 tháng = 14.900.000 (Mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

Tổng cộng: 109.775.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã tạm nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại nên được trừ vào số tiền 109.755.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đức T còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Trương Ngọc T số tiền 79.755.000 (bảy mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

(Số tiền 30.000.000 đồng Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ tại biên lai thu tiền số 06850 ngày 24/7/2020)

Xử lý vật chứng:

- 41 tờ giấy A4 có nội dung là tin nhắn và hình ảnh quan hệ tình dục giữa T và T; 01 USB chứa 04 đoạn video ghi lại cảnh quan hệ tình dục giữa T và T. Số vật chứng trên là do T và H giao nộp cho Cơ quan điều tra, nên được đưa vào lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone 8Plus của bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội. Sau đó, bị cáo T sử dụng điện thoại trên đường đi và đã bị người khác giật mất nên không thu giữ được để xử lý.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.988.000 đồng (tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, Điều 269, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 327, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Làm nhục người khác”

Căn cứ điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 592 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1- Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường thiệt hại cho chị Trương Ngọc T số tiền 109.775.000 (một trăm lẻ chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng bị cáo đã nộp để bồi thường, bị cáo Nguyễn Đức T còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Trương Ngọc T số tiền 79.775.000 (bảy mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

(Số tiền 30.000.000 đồng Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ tại biên lai thu tiền số 06850 ngày 24/7/2020).

2- Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.988.000 đồng (tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3- Quyền kháng cáo: Bị cáo **Nguyễn Đức Thắng** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự;
- VKS ND cùng cấp;
- VKS ND cấp trên;
- CQĐT cùng cấp;
- CQ THA HS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

